

Số: *143*/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày *18* tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2020 tại tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 24/TTr-SCT ngày 07/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi thời hạn giải quyết 94 (chín mươi tư) thủ tục hành chính trong lĩnh vực công thương gồm:

- 81 (tám mươi một) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Phụ lục I kèm theo*);

- 13 (mười ba) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Công Thương chủ trì xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử các thủ tục hành chính phù hợp với thời hạn giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi tại Điều 1 Quyết định này, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, VNPT Thái Bình, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổ chức, thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *Tây*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TT&TT, VNPT Thái Bình;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTT. *đ*

CHỦ TỊCH



Đang Trọng Thăng

Đang Trọng Thăng

Phụ lục I**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 18/15/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).*

LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1. Thủ tục: Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Thủ tục: Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Thủ tục: Điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Thủ tục: Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của cơ quan cấp giấy phép.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

6. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 18 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

LĨNH VỰC ĐIỆN

7. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0.4 KV tại địa phương.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 KV tại địa phương.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

9. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3 MW đặt tại địa phương.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

10. Thủ tục: cấp giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 KV đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

11. Thủ tục: Cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 KV đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

12. Thủ tục: Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

13. Thủ tục: Cấp lại thẻ an toàn điện.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

14. Thủ tục: Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

LĨNH VỰC VẬT LIỆU NÓ CÔNG NGHIỆP

15. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

16. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 1.5 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

17. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 18 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

18. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 1.5 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

19. Thủ tục: Cấp giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

20. Thủ tục: Cấp lại giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

21. Thủ tục: Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

LĨNH VỰC HÓA CHẤT

22. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

23. Thủ tục: Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

24. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

25. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

26. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

27. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

28. Thủ tục: Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

29. Thủ tục: Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

30. Thủ tục: Đăng ký tổ chức tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

31. Thủ tục: Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH

32. Thủ tục: Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

33. Thủ tục: Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

34. Thủ tục: Đăng ký sửa đổi, bổ sung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

35. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

36. Thủ tục: Đăng ký hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền Sở Công Thương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

37. Thủ tục: Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

38. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

39. Thủ tục: Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

40. Thủ tục: Cấp giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

41. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

42. Thủ tục: Cấp lại giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

43. Thủ tục: Cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

44. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

45. Thủ tục: Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

46. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

47. Thủ tục: Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

48. Thủ tục: Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

49. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

50. Thủ tục: Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

51. Thủ tục: Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

52. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

53. Thủ tục: Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

54. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

55. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

57. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

58. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

59. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

60. Thủ tục: Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

61. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

62. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

63. Thủ tục: Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

64. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

65. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

66. Thủ tục: Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

67. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

68. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

69. Thủ tục: Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

70. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

71. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

72. Thủ tục: Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

73. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

74. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

75. Thủ tục: Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

76. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

77. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

78. Thủ tục: Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

79. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

80. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

81. Thủ tục: Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải

- Thời gian quy định tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Phụ lục II**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 18/15/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).*

LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC**1. Thủ tục: Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.**

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 4.2 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Thủ tục: Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 4.2 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Thủ tục: Cấp giấy phép bán lẻ rượu

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 4.2 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Thủ tục: Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 4.2 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7. Thủ tục: Cấp giấy phép bán rượu tiêu dung tại chỗ trên địa bàn các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Bình.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dung tại chỗ trên địa bàn các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Bình.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 4.2 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

9. Thủ tục: Cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dung tại chỗ trên địa bàn các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Bình.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 4.2 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

10. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 18 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

11. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

12. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

- Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 4.2 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

13. Thủ tục: Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

Thời gian quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian sửa đổi là: Trong thời hạn 4.2 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
